

Bản án số: 71/2024/HS-PT
Ngày: 29-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Viết Phong

Ông Bùi Thanh Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:** Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thẩm thụ lý số 90/2024/HSPT ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q, Thái Đình T, Nguyễn Thành H.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Hà Trọng P, sinh năm 1969 tại Hà Tĩnh; tên gọi khác: không; nơi cư trú: tổ H, ấp A, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: tự do; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Trọng N (đã chết) và con bà Trần Thị S, sinh năm 1938; vợ: Đoàn Thị Hiền L, sinh năm 1972 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 28/4/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh.

2. Hà Thế Q, sinh năm 2004 tại Bình Phước; tên gọi khác: không; nơi cư trú: tổ H, ấp A, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: tự do; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Trọng P, sinh năm 1969 là bị cáo trong vụ án và bà Đoàn Thị Hiền L, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 31/12/2019 bị Công an huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi mang theo hung khí nhằm gây thương tích cho người khác (QĐ số 17/QĐ – XPHC).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 28/4/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh.

3. Thái Đình T, sinh năm 1969 tại Hà Tĩnh; tên gọi khác: không; nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm vườn; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Đình T1 (không rõ năm sinh, đã chết) và bà Trần Thị L1 (không rõ năm sinh, đã chết); vợ là Võ Thị T2, sinh năm 1973; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 07/02/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh.

4. Nguyễn Thành H, sinh năm 1995 tại Bình Phước; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: tổ B, ấp E, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: công nhân; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1966 và bà Trần Thị N1, sinh năm 1966; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 07/02/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29 tháng 12 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C kiểm tra, phát hiện Hà Thế Q có biểu hiện về hoạt động buôn bán hàng cấm là pháo nổ. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Q tại tổ H, ấp A, xã N, thị xã C, Cơ quan điều tra phát hiện và thu giữ dưới gầm giường tại phòng ngủ (cạnh phòng ngủ của Q) có 12 bộ pháo hình hộp kích thước (17 x 17 x 10)cm, bên trong chứa 49 ống hình trụ dài 10cm, bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc, ghi chữ nước ngoài, mã C0850 và tại phòng ngủ của cha Q là ông Hà Trọng P có 06 bộ pháo hình hộp chữ nhật kích thước (17 x 17 x 10)cm, bên trong chứa 49 ống hình trụ dài 10cm, bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc, ghi chữ nước ngoài, mã C0850; 02 bộ pháo hình hộp kích thước 16cm x 16cm x 10cm, bên trong chứa 49 ống hình trụ dài 10cm, bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc, ghi chữ nước ngoài, mã A8426; 02 bịch nylon, bên trong chứa nhiều viên pháo hình cầu, đường kính 2,5cm, nhiều màu sắc, có dây dẫn.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của Thái Đình T, Nguyễn Thành H và thu giữ:

Tại nhà Thái Đình T phát hiện và thu giữ 05 bộ pháo hình hộp chữ nhật kích thước (16,5 x 16,5 x 10)cm, bên trong chứa 49 ống hình trụ dài 10cm có đường kính 2,3cm, bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc, ghi chữ nước ngoài, mã KS4-4911 và 02 bộ pháo hình hộp chữ nhật kích thước (17,5 x 17,5 x 10)cm, bên trong chứa 49 ống hình trụ dài 10cm có đường kính 2cm, bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc, ghi chữ nước ngoài, mã T4049.

Tại nhà Nguyễn Thành H phát hiện và thu giữ 05 bộ pháo hình hộp chữ nhật kích thước (16 x 16 x 10)cm, bên trong chứa 49 ống hình trụ dài 10cm có đường kính 2,3cm, bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc, ghi chữ nước ngoài, mã A8426.

Quá trình điều tra xác định Q biết Hoàng Văn M bán pháo hoa nổ (sau đây gọi là pháo hoa); P biết T, Q biết Võ Thị Bích N2 và N2 quen biết H.

Cuối tháng 11 năm 2023, P bảo Q (P là cha đẻ của Q) liên hệ với M để mua pháo hoa. M cho biết giá của 01 bộ pháo hoa nổ (sau đây gọi là bộ) là 650.000 đồng. Q nói lại cho P biết và đưa số điện thoại của M là 0374.741.496 cho P. Ngày hôm sau, P gọi điện cho M để mua 15 bộ, rồi P nói cho T biết giá của 01 bộ là 680.000 đồng, T đồng ý mua 10 bộ.

Sau khi nhận bán pháo hoa cho P, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn xanh, biển kiểm soát 93F1 - 325.11 đến khu vực cửa khẩu H3, thuộc xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước gặp người có tên H1 đặt mua 15 bộ, loại 49 ống với giá 480.000 đồng/bộ và 280.000 đồng/bịch pháo nổ loại 50 viên.

Đến khoảng 01 giờ ngày 01 tháng 12 năm 2023, M nhận của H1 15 bộ với số tiền 7.200.000 đồng. Có pháo hoa, khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, M điều khiển xe mô tô 93F1 - 325.11 đến nhà P tại tổ H, ấp A, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước bán 15 bộ, P trả cho M 9.750.000 đồng; do không có đủ tiền mặt nên M đưa số tài khoản của M cho chuyển tiền. Chiều cùng ngày, P đã 02 lần chuyển khoản cho M với số tiền lần lượt là 8.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, còn dư 250.000 đồng thì P cho M. Khoảng 10 giờ, P điện thoại báo cho T biết đã có pháo hoa, khoảng 14 giờ cùng ngày, T đến nhà P lấy 10 bộ, chuyển khoản trả tiền cho P 6.800.000 đồng. Sau đó, T mang pháo hoa cất giữ trong nhà thuộc tổ A, ấp B, xã N, thị xã C và sau đó T đã đốt 03 bộ.

Về phía H, H nhờ N2 hỏi giùm có ai bán pháo không nên N2 hỏi Q có pháo hoa bán không thì Q nói có và bán với giá 690.000 đồng/bộ. Sau đó, N2 nói cho H biết, H đồng ý mua 05 bộ. Ngày 05 tháng 12 năm 2023, H chuyển khoản 100.000 đồng cho N2, N2 chuyển khoản cho Q 100.000 đồng để làm tin, rồi Ngọc nhấn số điện thoại của H để Q trực tiếp liên hệ với nhau. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Q nói P đưa 05 bộ để Quyền bán. Quyền bỏ 05 bộ vào trong bao mang bán cho H tại nhà H ở tổ B, ấp E, xã M, thị xã C. Tại đây, H trả thêm Quyền 3.350.000 đồng, Q đưa lại cho P 3.200.000 đồng, còn 150.000 đồng và 100.000 đồng nhận từ chuyển khoản Quyền giữ lại tiêu xài.

Sau khi bán hết 15 bộ nêu trên, P điện thoại cho M mua 08 bộ và 02 bịch pháo banh nổ để bán. M nói cho P giá của pháo hoa là 650.000 đồng/bộ và 450.000 đồng/bịch pháo banh nổ. Sau đó, M liên hệ với H1 mua số pháo nêu trên. Đến khoảng 09 giờ ngày 15 tháng 12 năm 2023, H1 bán pháo hoa, pháo banh nổ cho M tại khu vực ấp T, xã L, huyện L, M trả cho H1 tổng số tiền là 4.400.000 đồng. Có pháo, M điều khiển xe mô tô 93F1 - 325.11 mang số pháo trên đến nhà P bán cho P với số tiền là 6.100.000 đồng, nhưng M chỉ lấy 6.000.000 đồng. P chuyển 6.000.000 đồng vào tài khoản của M. Khoảng 07 ngày sau, P tiếp tục gọi điện thoại cho M mua 12 bộ. Đến khoảng 11 giờ ngày 24 tháng 12 năm 2023, H1 bán 12 bộ cho M với số tiền 5.760.000 đồng tại khu vực ấp T, xã L, huyện L. Có pháo, M điều khiển xe mô tô 93F1 - 325.11 đến bán 12 bộ cho P tại nhà P với số tiền là 7.800.000 đồng. P chuyển 8.000.000 đồng vào tài khoản của M.

Ngoài 03 lần bán pháo hoa cho P tại địa bàn thị xã C như trên, M còn 01 lần mua bán pháo hoa tại ấp A, xã L, huyện L, cụ thể: M và D quen biết nhau nhưng không biết nhân thân của D. Khoảng 20 giờ ngày 03 tháng 01 năm 2024, D điện thoại cho M

hỏi mua pháo hoa nổ, loại 01 bộ có 36 ống, nếu có thì mua cho D 10 bộ thì M đồng ý. Vì biết H1 có bán loại pháo hoa loại 36 ống là 320.000 đồng/bộ nhưng vì muốn thu lợi nên M nói cho D biết giá là 400.000 đồng/bộ, D đồng ý mua. Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 05 tháng 01 năm 2024, M điều khiển xe mô tô 93F1 - 325.11 đến khu vực ấp T, xã L, huyện L gặp H1 mua 10 bộ với số tiền 3.200.000 đồng. M cất giấu số pháo hoa vào ba lô màu xanh và gọi điện thoại cho D biết địa điểm giao pháo tại ấp A, xã L, huyện L. Trong lúc đang đứng chờ D giao pháo thì bị tổ tuần tra Công an huyện L đến kiểm tra, M hoảng sợ bỏ chạy bộ được khoảng 30m thì bị bắt quả tang, thu giữ 10 bộ pháo hoa, ba lô màu xanh, điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, vỏ màu đen, gắn S.I.M số 0363.183.572, 01 chiếc dép của M nhãn hiệu Nike, xe mô tô 93F1 - 325.11 và số tiền 375.000 đồng (bút lục số: 254, 255, 263 – 265, 266 – 273, 278 – 283, 301 – 305, 289, 292, 293, 296 – 298, 390, 391).

Tại Kết luận giám định số 515/KL-KTHS ngày 02 tháng 01 năm 2024 của P1 (C09B) - Bộ C kết luận:

06 khối hình hộp chữ nhật kích thước (17 x 17 x 10)cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, có in chữ “C0850”, bên trong mỗi khối có chứa 49 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát sáng ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 10,5kg.

02 khối hình hộp chữ nhật, kích thước (16 x 16 x 10)cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, có in chữ “A8426”, bên trong mỗi khối có chứa 49 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát sáng ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 3,2kg.

02 túi nylon, chứa các vật hình cầu dạng quả bóng đá, vỏ nhựa nhiều màu sắc, đường kính 2,5cm, một đầu có gắn dây màu xanh gửi giám định là pháo nổ. Khi đốt phát ra tiếng nổ. Tổng khối lượng là 0,8kg (bút lục 220).

Kết luận giám định số 516/KL-KTHS ngày 02 tháng 01 năm 2024 của P1 (C09B) - Bộ C kết luận:

Mẫu vật thứ nhất gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát sáng ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 20,8kg.

Mẫu vật thứ hai gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát sáng ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 12kg.

Mẫu vật thứ ba gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát sáng ra ánh sáng màu. Tổng khối lượng là 7,8kg (bút lục 215, 216).

Tại Kết luận giám định số 40/KL-KTHS ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận số pháo thu giữ của Hoàng Văn M: 10 khối hình hộp có cùng kích thước (14 x 14 x 10)cm, bên ngoài có dán giấy nhiều màu sắc, in chữ số “KS4-3611”, bên trong mỗi khối có 36 ống hình trụ tròn được liên kết với nhau thành khối, bên trong đều có 01 đầu dây màu xanh (ký hiệu M) đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), có chứa thuốc pháo, khi đốt bay lên cao, nổ và phát sáng ra ánh sáng nhiều màu sắc. Tổng khối lượng là 10,3kg. Sau giám định mẫu vật còn lại 07 khối, tổng trọng lượng 7,2kg (được niêm phong) (bút lục số: 384).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hà Trọng P; Hà Thế Q phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”; các bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H về tội “*Tàng trữ hàng cấm*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17; 38, 50; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Trọng P 05 (năm) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 28/4/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thế Q 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 28/4/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thái Đình T 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 07/02/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 07/02/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của các bị cáo khác, về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2024, bị cáo Nguyễn Thành H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo;

Ngày 06/8/2024, bị cáo Thái Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được xin hưởng án treo;

Ngày 14/8/2024, bị cáo Hà Trọng P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Hà Thế Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Hà Trọng P, Thái Đình T, Nguyễn Thanh H2 giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo Hà Thế Q thay đổi kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt của bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H, cụ thể: xử phạt bị cáo Hà Trọng P 05 (năm) năm tù; xử phạt bị cáo Hà Thế Q 01 (một) năm tù; xử phạt bị cáo Thái Đình T phạt tiền từ 70

đến 100 triệu đồng; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H phạt tiền từ 70 đến 100 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q, Thái Đình T, Nguyễn Thành H được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hà Trọng P; Hà Thế Q phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo Điều 190 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Hà Trọng P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp tiền khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo nên xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là phù hợp. Bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm nào khác so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của các bị cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T được chính quyền địa phương tặng giấy khen, bị cáo H có ông ngoại có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khi quyết định hình phạt đối với hai bị cáo. Xét thấy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền của các bị cáo.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thanh H2 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu. Kháng cáo của các bị

cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q;

Chấp nhận kháng cáo xin phạt tiền của các bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2024/HS-ST ngày 05/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về hình phạt đối với bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q.

Tuyên bố các bị cáo Hà Trọng P; Hà Thế Q phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17; 38, 50; 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Trọng P 05 (năm) năm tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 28/4/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thế Q 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến ngày 28/4/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thái Đình T 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Thái Đình T, Nguyễn Thành H không phải chịu;

Bị cáo Hà Trọng P, Hà Thế Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (1);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước (1);
- Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành (8);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành (1);
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành (1);
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành (1)
- Cơ quan THAHS thị xã Chơn Thành (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (1);
- Các bị cáo (4);
- Tổ HCTP (1);
- Lưu Tòa Hình sự, TNQ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Tiến Hiệp